

## UBND XÃ HÀ ĐÔNG

## BIỂU SỐ 113/CKTC-NSNN

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

ĐVT: TRĐ

	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3/ 2025	SỐ SÁNH %
<b>I</b>	<b>TỔN SỐ THU</b>	<b>132,005</b>	<b>158,976</b>	<b>120.4</b>
1	CÁC KHOẢN THU XÃ HƯỞNG 100%	1,227	114	9.3
2	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	1,127	1,192	105.7
3	THU BỔ SUNG	129,201	109,873	85.0
	- Bổ sung cân đối	129,201	78,005	60.4
	- Bổ sung có mục tiêu		31,869	
4	THU TIỀN SDD ĐỀ ĐẦU TƯ XDCB	450	1,450	322.3
5	THU CHUYỂN NGUỒN		46,222	
6	THU KẾT DƯ NS		125	
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI</b>	<b>132,005</b>	<b>108,252</b>	<b>82.0</b>
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	450	8,959	1,990.8
2	CHI THƯỜNG XUYÊN	127,783	99,293	77.7
3	DỰ PHÒNG	3,772		-

NGƯỜI LẬP

Hà Đông, ngày tháng 10 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
CHỦ TỊCH

**LÊ THỊ THUẬN**

**Hoàng Văn Đại**

**UBND XÃ LIÊN MẠC** **BIỂU SỐ 113/CKTC-NSNN**  
**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2020**  
**(TRÌNH HĐND xã phê duyệt)**

	<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM</b>	<b>ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020</b>	<b>SO SÁNH</b>
<b>I</b>	<b>TỔN SỐ THU</b>	<b>7,052,634,000</b>	<b>2,969,152,959</b>	<b>42</b>
1	CÁC KHOẢN THU XÃ HƯỞNG 100%	201,408,000	8,923,671	4
2	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	166,900,000	98,251,983	59

3	THU BỔ SUNG	<b>3,684,326,000</b>	<b>2,466,885,900</b>	<b>67</b>
	- Bổ sung cân đối	3,684,326,000	1,821,082,000	49
	- Bổ sung có mục tiêu		645,803,900	
4	THU TIỀN SDĐ ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB	<b>3,000,000,000</b>	<b>272,558,750</b>	<b>9</b>
5	THU CHUYỂN NGUỒN		122,532,655	
6	THU KẾT DƯ NS			
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI</b>	<b>7,052,634,000</b>	<b>2,870,975,279</b>	<b>41</b>
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3,000,000,000	250,000,000	8
2	CHI THƯỜNG XUYÊN	3,972,634,000	2,620,975,279	66
3	DỰ PHÒNG	80,000,000		-

*Liên Mạc, ngày tháng 7 năm 2020*

**NGƯỜI LẬP**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH QUÝ III/2025

ĐVT: TRĐ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3/2025		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	<b>TỔNG THU</b>		<b>132,005</b>	<b>-</b>	<b>158,975.6</b>		<b>120.43</b>
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN THU 100%</b>		<b>1,227</b>	<b>-</b>	<b>114.5</b>		<b>9.33</b>
1	Phí, lệ phí		127		69.9		55.02
2	Thu từ đất công ích và HLCS khác		780		-		-
3	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				2.5		
5	Thu từ TS được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân trong nước						
8	Thu khác		320		42.1		13.16
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN THU THEO TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)</b>		<b>1,127</b>	<b>-</b>	<b>1,191.6</b>		<b>105.73</b>
1	Các khoản thu phân chia		836	-	967.9		115.78
	- Thuế sử dụng đất PNN		590		114.3		19.38
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình		-				
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		-		-		
	- Lệ phí trước bạ nhà đất		80		536.2		670.23
	- Thuế thu nhập cá nhân (DN)		166		317.4		191.23
2	các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định		291	-	223.6		76.85
	- Thuế GTGT		291		223.6		76.85
<b>II</b>	<b>THU TIỀN SDD ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB</b>		<b>450</b>		<b>1,450.2</b>		<b>322.27</b>
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN</b>				<b>46,221.6</b>		
<b>IV</b>	<b>THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH TỪ NĂM TRƯỚC</b>				<b>124.5</b>		
<b>V</b>	<b>THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>129,201</b>	<b>-</b>	<b>109,873.2</b>		<b>85.04</b>
1	- Bổ sung từ ngân sách cấp trên		129,201		78,004.6		60.37

2	- Bổ sung có mục tiêu				31,868.5		
---	-----------------------	--	--	--	----------	--	--

**NGƯỜI LẬP**

***LÊ THỊ THUẬN***

*Hà Đông, ngày tháng 10 năm 2025*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Đại**

1

46,222

0

125

0

UBND XÃ HÀ ĐÔNG

BIỂU SỐ 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

ĐVT: TRĐ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN CHI NS QUÝ 3/2025			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>132,005</b>	<b>450</b>	<b>131,555</b>	<b>108,251.5</b>	<b>8,958.8</b>	<b>99,292.7</b>	<b>82.0</b>	<b>1,991</b>	<b>75.48</b>
1	Giáo dục	84,880	-	84,880	62,824	4,239	58,585.3	74.0		69.02
2	Chi y tế	200	-	200	5		5.1	2.5		2.55
3	Đầu tư phát triển khác	450	450		-			-		
4	Chi văn hóa thông tin	458		458	393	56	336.4	85.8		73.46
5	Chi phát thanh, truyền thanh	323		323	78		77.9	24.1		24.13
6	Chi thể dục thể thao	229		229	22		22.4	9.8		9.78
7	Chi bảo vệ môi trường	1,970		1,970	310	284	25.9	15.7		1.32
8	Chi các hoạt động kinh tế (SN giao thông, NN)	3,022	-	3,022	4,071	3,868	203.1	134.7		6.72
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	28,968		28,968	30,786		30,786.1	106.3		106.28
10	Chi cho công tác xã hội	3,991		3,991	7,761		7,760.8	194.5		194.46
11	Chi khác	3,742		3,742	2,001	511	1,489.6	53.5		39.81
12	Dự phòng ngân sách	3,772		3,772	-			-		-

Hà Đông, ngày tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
CHỦ TỊCH

LÊ THỊ THUẬN

Hoàng Văn Đại

**UBND XÃ HÀ ĐÔNG****BIỂU SỐ 113/CKTC-NS****CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2025**

	<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM</b>	<b>ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG 2025</b>
<b>I</b>	<b>TỔN SỐ THU</b>	<b>132,005</b>	<b>174,116</b>
1	CÁC KHOẢN THU XÃ HƯỞNG 100%	1,227	353
2	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	1,127	1,616
3	THU BỔ SUNG	129,201	121,185
	- Bổ sung cân đối	129,201	84,110
	- Bổ sung có mục tiêu		37,075
4	THU TIỀN SDD ĐỂ ĐẦU TƯ XD CB	450	2,871
5	THU CHUYỂN NGUỒN		47,928
6	THU KẾT DƯ NS		162
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI</b>	<b>132,005</b>	<b>121,218</b>
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	450	13,917
2	CHI THƯỜNG XUYÊN	127,783	107,301
3	DỰ PHÒNG	3,772	

**NGƯỜI LẬP****LÊ THỊ THUẬN**

*Hà Đông, ngày tháng 10 năm*  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Đại**

UBND XÃ LIÊN MẠC

BIỂU SỐ 113/CKTC-NS

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2020

(TRÌNH HĐND xã phê duyệt)

	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020
<b>I</b>	<b>TỔN SỐ THU</b>	<b>7,052,634,000</b>	<b>2,969,152,959</b>
1	CÁC KHOẢN THU XÃ HƯỞNG 100%	201,408,000	8,923,671
2	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ %	166,900,000	98,251,983
3	THU BỔ SUNG	<b>3,684,326,000</b>	<b>2,466,885,900</b>
	- Bổ sung cân đối	3,684,326,000	1,821,082,000
	- Bổ sung có mục tiêu		645,803,900
4	THU TIỀN SDD ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB	<b>3,000,000,000</b>	<b>272,558,750</b>
5	THU CHUYỂN NGUỒN		122,532,655
6	THU KẾT DƯ NS		
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI</b>	<b>7,052,634,000</b>	<b>2,870,975,279</b>
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3,000,000,000	250,000,000
2	CHI THƯỜNG XUYÊN	3,972,634,000	2,620,975,279
3	DỰ PHÒNG	80,000,000	

*Liên Mạc, ngày tháng 7 năm 2020*

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NN

ĐVT: TRĐ

<b>SO SÁNH %</b>
<b>131.9</b>
28.8
143.4
93.8
65.1
638.0
<b>91.8</b>
3,092.6
84.0
-

1 2023

NN

SO SÁNH
<b>42</b>
4
59
<b>67</b>
49
<b>9</b>
<b>41</b>
8
66
-

2020

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
		THU NSNN
	<b>TỔNG THU</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN THU 100%</b>	
1	Phí, lệ phí	
2	Thu từ đất công ích và HLCS khác	
3	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp	
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	
5	Thu từ TS được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định	
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định	
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân trong nước	
8	Thu khác	
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN THU THEO TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)</b>	
1	Các khoản thu phân chia	
	- Thuế sử dụng đất PNN	
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình	
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	
	- Thuế thu nhập cá nhân (DN)	
2	các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	
	- Thuế GTGT	
<b>II</b>	<b>THU TIỀN SDD ĐỂ ĐẦU TƯ XDCB</b>	
<b>III</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN</b>	
<b>IV</b>	<b>THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH TỪ NĂM TRƯỚC</b>	
<b>V</b>	<b>THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	
1	- Bổ sung từ ngân sách cấp trên	
2	- Bổ sung có mục tiêu	

NGƯỜI LẬP

***LÊ THỊ THUẬN***

BIỂU SỐ 114/CKTC-NSNN

AN SÁCH 9 THÁNG 2025

ĐVT: TRĐ

NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 9T 2025		SO SÁNH %	
	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN
	<b>132,005</b>	-	<b>174,116.1</b>	<b>131.90</b>
	1,227	-	353.3	28.79
	127		100.2	78.86
	780		130.4	16.72
			2.5	
	320		120.3	37.58
	<b>1,127</b>	-	<b>1,616.4</b>	143.43
	836	-	1,304.9	156.09
	590		115.5	19.58
	-			
	-		-	
	80		845.0	1,056.31
	166		344.3	207.43
	291	-	311.5	107.04
	291		311.5	107.04
	<b>450</b>		<b>2,870.9</b>	637.99
			<b>47,928.4</b>	
			<b>161.7</b>	
	<b>129,201</b>	-	<b>121,185.4</b>	93.80
	129,201		84,110.0	65.10
			37,075.4	

Hà Đông, ngày tháng 10 năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**HOÀNG VĂN ĐẠI**

15,141

6984000 TIỀN NN THU HỒI ĐẤT

**UBND XÃ HÀ ĐÔNG****ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH**

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>132,005</b>	<b>450</b>	<b>131,555</b>
1	Giáo dục	84,880	-	84,880
2	Chi y tế	200	-	200
3	Đầu tư phát triển khác	450	450	
4	Chi văn hóa thông tin	458		458
5	Chi phát thanh, truyền thanh	323		323
6	Chi thể dục thể thao	229		229
7	Chi bảo vệ môi trường	1,970		1,970
8	Chi các hoạt động kinh tế (SN giao thông, NN0)	3,022	-	3,022
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	28,968		28,968
10	Chi cho công tác xã hội	3,991		3,991
11	Chi khác	3,742		3,742
12	Dự phòng ngân sách	3,772		3,772

**NGƯỜI LẬP****LÊ THỊ THUẬN**

**BIỂU SỐ 115/CKTC-NSNN**

**I 9 THÁNG NĂM 2025**

ĐVT: TRĐ

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NS 9/2025			SO SÁNH		
TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
<b>121,217.9</b>	<b>13,916.9</b>	<b>107,300.9</b>	<b>91.8</b>	<b>3,093</b>	<b>39.99</b>
<b>64,697</b>	6,112	58,585.3	<b>76.2</b>		69.0
<b>5</b>		5.1	<b>2.5</b>		2.5
-			-		
<b>399</b>	56	342.5	<b>87.1</b>		74.8
<b>88</b>		88.1	<b>27.3</b>		27.3
<b>337</b>	306	31.0	<b>147.0</b>		13.5
<b>1,109</b>	718	391.5	<b>56.3</b>		19.9
<b>5,293</b>	4,988	305.0	<b>175.2</b>		10.1
<b>37,019</b>	854	36,165.3	<b>127.8</b>		124.8
<b>9,501</b>	372	9,128.8	<b>238.1</b>		228.7
<b>2,769</b>	511	<b>2,258.4</b>	<b>74.0</b>		60.4
-			-		-

9,915,595

Nộp trả ns cấp trên

*Hà Đông, ngày tháng 10 năm 2025*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
CHỦ TỊCH**

**HOÀNG VĂN ĐẠI**

19,462,463

(rác thải tại nguồn)